

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/02/2023

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **NGUYỄN VĂN TƯ**

Ông **HUỖNH VĂN HOÀN**

- Thư ký phiên tòa: Ông **MAI QUỐC KHANH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 583/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **N T C**, sinh năm 1 (Có mặt)

Địa chỉ: **A H N, X H Đ, H C L, T T G.**

- Bị đơn: Anh **N T S**, sinh năm 1 (Có mặt)

Địa chỉ: **A H N, X H Đ, H C L, T T G.**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

N H T M C P S G T T - C N T G – P G D C L (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 11/10/2022 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **N T C** trình bày:**

Do quen biết, chị và anh **N T S** tiến tới hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **S** ăn nhậu không lo làm ăn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Về con chung: Chị và anh **N T S** có 02 con chung tên **N T D**, sinh năm 1997, **N T L**, sinh năm 2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị **N T C** yêu cầu ly hôn anh **N T S**.

*** Theo tờ tường trình ngày 03/12/2022 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh **N T S** trình bày:**

Anh **N T S** trình bày, anh và chị **C** tiến tới hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn, đến năm 2012 chị **C** đi làm công ty, vợ chồng không mâu thuẫn gì, chị **C** đi làm và về nhà thường xuyên, anh ở nhà chăm lo trồng cây và các con, vợ chồng không có ly thân.

Về con chung: Có 02 con chung tên M T D, sinh năm 1997, N T L, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Có thửa đất số 501, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.075,8m² tại A H N, X H Đ, H C L, T T G.

- Về nợ chung: Vợ chồng có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung nêu trên để vay Ngân hàng số tiền 350.000.000đ cho con trai làm ăn.

Nay anh N T S không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C vì anh thương vợ con và vợ chồng không có mâu thuẫn gì; Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan N H TMCP S G T T xin vắng mặt, tại công văn số 07 ngày 04/01/2023 Ngân hàng trình bày:** ông N T S và bà N T C ký hợp đồng tín dụng ngày 09/5/2022 với Ngân hàng, theo đó ông S, bà C nhận nợ số LD2213000503 ngày 10/5/2022 với số tiền là 350.000.000 đồng vốn sản xuất nông nghiệp và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 501, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.075,8m² nếu, bà C và ông S không trả nợ vay thì Ngân hàng khởi kiện vụ án hợp đồng tín dụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị N T C và anh N T S cư trú: A H N, X H Đ, H C L, T T G. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh, chị thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị C và anh S trình bày thống nhất, do quen biết, chị và anh S tiến tới hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn, chị C cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S ăn nhậu không lo làm ăn vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay; Còn anh S cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn gì, anh cũng không nhậu nhiều như chị C trình bày, anh vẫn thương và chăm sóc vợ con, chị C đi làm công ty vẫn thường xuyên về nhà, vợ chồng không có ly thân. Xét thấy, tại phiên tòa chị C cương quyết xin ly hôn, còn anh S có mong muốn gia đình được đoàn tụ, do mâu thuẫn vợ chồng chị C, anh S không trầm trọng, nhằm tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T C xin ly hôn anh N T S.

Về án phí: Chị N T C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016837 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc

